

Số: 63/2026/QĐST-DS

Hải Phòng, ngày 05 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 216/2026/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Công ty Cổ phần J1 (trước đây là Công ty cổ phần J1), địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội, Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lê Q - Chuyên viên Xử lý nợ - Công ty cổ phần J1; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền số 61803/2026/UQ-XLN-JUPITER ngày 28/3/2026 của ông Phan Huy M - Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ); có mặt.

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; trụ sở chính tại: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T - Cán bộ Xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và ông Nguyễn Lê Q - Chuyên viên Xử lý nợ; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền số 28/2026/UQN-PLTH2 ngày 28/3/2026 của ông Nguyễn Như G – Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý tích hợp 2); có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn Q1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T (thôn T cũ), xã A, thành phố Hải Phòng; Số Căn cước công dân: 031090008159; cú mặ t.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số nợ: Tính đến ngày 28/7/2026, tổng số nợ ông Đỗ Văn Q1 còn nợ V1 và J là 1.293.079.797 (Một tỷ hai trăm chín mươi ba triệu không trăm bảy

mười chín nghìn bảy trăm chín mươi bảy) đồng, bao gồm: Nợ gốc là 1.026.234.270 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.407.487 đồng, nợ lãi quá hạn là 259.438.040 đồng. Trong đó:

+ Tổng số tiền nợ **V1** là: 59.928.122 (Năm mươi chín triệu chín trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi hai) đồng, bao gồm: Nợ gốc: 48.812.777 đồng, nợ lãi trong hạn là 370.374 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.744.971 đồng.

+ Tổng số tiền nợ **J** là: 1.233.151.675 (Một tỷ hai trăm ba mươi ba triệu một trăm năm mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi lăm) đồng, bao gồm: Nợ gốc: 977.421.493 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.037.113 đồng, nợ lãi quá hạn: 248.693.069 đồng.

- Về nghĩa vụ, lộ trình trả nợ:

Chậm nhất đến ngày 28/10/2026 ông **Đỗ Văn Q1** sẽ thanh toán cho **V1** và **J** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi là 1.293.079.797 (Một tỷ hai trăm chín mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi bảy) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2026 theo lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán hết khoản nợ cho **V1** và **Công ty Cổ phần J1**. Cụ thể:

- Buộc ông **Đỗ Văn Q1** thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** số tiền: 59.928.122 (Năm mươi chín triệu chín trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi hai) đồng, trong đó: Nợ gốc: 48.812.777 đồng, nợ lãi trong hạn là 370.374 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.744.971 đồng.

- Buộc ông **Đỗ Văn Q1** thanh toán cho **Công ty Cổ phần J1 (J1)** số tiền: 1.233.151.675 (Một tỷ hai trăm ba mươi ba triệu một trăm năm mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi lăm) đồng, bao gồm: Nợ gốc: 977.421.493 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.037.113 đồng, nợ lãi quá hạn: 248.693.069 đồng.

Kể từ ngày 29/7/2026 cho đến khi thi hành xong, ông **Đỗ Văn Q1** còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn nợ chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Nếu ông **Đỗ Văn Q1** vi phạm phương án trả nợ (trả không đủ hoặc không đúng thời hạn) thì ông **Q1** phải trả cho **V1** và **J** toàn bộ số nợ gốc còn lại tại thời điểm vi phạm và số tiền lãi phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi

phạt (nếu có) tại các Hợp đồng cấp tín dụng, Giấy nhận nợ và các cam kết đã ký cho đến khi ông Q1 trả hết nợ cho V1 và J.

Trường hợp ông Q1 không trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần J1 là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 32.3, tờ bản đồ 270-D-I, diện tích 91,8m²; tại địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 672277, Sổ vào sổ cấp GCN: CS1339/AL, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 11/11/2021. Hợp đồng thế chấp số 6589033-02 ngày 30/08/2022; Sổ công chứng 17293/HĐTC/2022, quyền số 06/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 32.4, tờ bản đồ số: 270-D-I, diện tích 109m²; tại địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 672276, Sổ vào sổ cấp GCN: CS1338/AL, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 11/11/2021. Hợp đồng thế chấp số 6589033-01 ngày 30/08/2022; Sổ công chứng 17294/HĐTC/2022, quyền số 06/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C.

Nếu số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán hết khoản nợ cho V1 và Công ty Cổ phần J1 thì ông Đỗ Văn Q1 phải tiếp tục trả số nợ còn thiếu; nếu số tiền phát mại tài sản, sau khi trả nợ còn thừa sẽ trả lại cho ông Đỗ Văn Q1.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn Q1 phải chịu 25.396.197 (Hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn một trăm chín mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Cổ phần J1 (trước là Công ty Cổ phần J1) 23.209.746 (Hai mươi ba triệu hai trăm linh chín nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng tiền tạm ứng ổn phố đó nộp theo Biên lai thu tạm ứng ổn phố, lệ phí Tựa ổn số 0004410 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thị trấn ổn đồn sự thành phố Hải Phòng (Phùng Thị trấn ổn đồn sự khu vực 2 - Hải Phòng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V 1.498.622 (Một triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi hai) đồng tiền tạm ứng ổn phố đó nộp theo Biên lai thu tạm ứng ổn phố, lệ phí Tựa ổn số 0004383 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thị trấn ổn đồn sự thành phố Hải Phòng (Phùng Thị trấn ổn đồn sự khu vực 2 - Hải Phòng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; những người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THA dân sự thành phố Hải Phòng;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Vinh